**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT “CHÚNG EM HỌC LÀM CHIẾN SỸ”**

**NĂM 2020**

**1. Dành cho lứa tuổi 10-13 tuổi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN HỌC PHẦN** | **CHỦ ĐỀ** | **NỘI DUNG** |
| 1 | Học làm chiến sỹ | Tác phong chiến sỹ | Cách mang, mặc;xưng hô, chào hỏi; đi, đứng… |
| Điều lệnh quân đội | Điều lệnh quản lý (Các chế độ sinh hoạt trong ngày, trong tuần; đóng quân, canh phòng; 10 lời thề, 12 điều kỷ luật…)  Điều lệnh đội ngũ (nghiêm, nghỉ; chào…) |
| Sắp đặt nội vụ | Gấp chăn, màn; giặt, phơi, gấp quần, áo; sắp đặt ba lô, quân tư trang; vệ sinh phòng ngủ, nơi công cộng... |
| Võ thuật quân đội | Đạo đức võ học; một số động tác võ thuật căn bản của quân đội; 8 thế tấn, 16 động tác và 35 liên quyền; |
| Thể dục tay không | Các bài thể dục buổi sáng của chiến sỹ(1,2,3,4); Thể thao quốc phòng… |
| 2 | Kỹ năng sống | Hoạt động dã ngoại | Hành quân rèn luyện;  Bữa cơm chiến sỹ : tổ chức ăn, ở dã ngoại; nấu ăn dã ngoại bằng bếp Hoàng Cầm |
| Tập làm đầu bếp | Giúp mẹ nấu cơm; gói bánh trưng; nấu cơm niêu đất; làm bánh trôi, bánh rán… |
| Tập làm bác nông dân | Tăng gia sản xuất: “Vườn rau chiến sỹ” |
| Chiến sỹ đặc công | Phòng chống đuối nước  Chiến sỹ vượt vật cản |
| Tập làm cảnh sát phòng cháy chữa cháy | Xử lý khi gặp hỏa hoạn |
| Chiến sỹ an ninh | Xử lý khi gặp bạo lực học đường  Tự bảo vệ trước vấn đề xâm hại trẻ em |
| Căn phòng chiến sỹ | Vệ sinh và sắp đặt phòng ở theo tác phong người lính |
| 3 | Phẩm chất chiến sỹ | Chiến sỹ đoàn kết | Hiệp đồng tác chiến, vượt chướng ngại vật cùng đồng đội; chiến sỹ vượt sông... |
| Chiến sỹ dũng cảm | Tiến công đồn địch, Băng qua lửa đạn… |
| Tâm tình người lính | Nhật ký chiến sỹ, bình yên chiến sỹ |
| Chiến sỹ toàn năng | Dân vũ “*Chúng tôi là chiến sỹ*”; tiếnghát chiến sỹ;Múa sạp; vẽ, ghép tranh… |
| Kỷ luật của chiến sỹ | Dấu chân chiến sỹ; Người canh đêm.. |

**2. Dành cho lứa tuổi 14-15**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN HỌC PHẦN** | **CHỦ ĐỀ** | **NỘI DUNG** |
| 1 | Học làm chiến sỹ | Tác phong chiến sỹ | Cách mang, mặc; xưng hô, chào hỏi; đi, đứng… |
| Điều lệnh quân đội | Điều lệnh quản lý (Các chế độ sinh hoạt trong ngày, trong tuần; đóng quân, canh phòng; 10 lời thề, 12 điều kỷ luật…)  Điều lệnh đội ngũ (nghiêm, nghỉ; chào…) |
| Sắp đặt nội vụ | Gấp chăn, màn; giặt, phơi, gấp quần, áo; sắp đặt ba lô, quân tư trang; vệ sinh phòng ngủ, nơi công cộng... |
| Võ thuật quân đội | Đạo đức võ học; một số động tác võ thuật căn bản của quân đội; 8 thế tấn, 16 động tác và 35 liên quyền; |
| Thể dục tay không | Các bài thể dục buổi sáng của chiến sỹ (1, 2, 3, 4); Thể thao quốc phòng… |
| 2 | Kỹ năng sống | Hoạt động dã ngoại | Hành quân rèn luyện;  Bữa cơm chiến sỹ : tổ chức ăn, ở dã ngoại; nấu ăn dã ngoại bằng bếp Hoàng Cầm |
| Tập làm đầu bếp | Giúp mẹ nấu cơm; gói bánh trưng; nấu cơm niêu đất; làm bánh trôi, bánh rán… |
| Tập làm bác nông dân | Tăng gia sản xuất: “Vườn rau chiến sỹ” |
| Chiến sỹ quân y | Xử lý vết thương ban đầu |
| Chiến sỹ công binh | Nhận biết và phòng tránh một số loại bom mìn trong chiến tranh |
| Chiến sỹ thông tin | Kỹ năng truyền đạt và tiếp nhận thông tin |
| Tiểu đội đoàn kết | Những chiến sỹ trong thực hiện nhiệm vụ: kỹ năng làm việc nhóm |
| 3 | Phẩm chất chiến sỹ | Chiến sỹ đoàn kết | Hiệp đồng tác chiến, vượt chướng ngại vật cùng đồng đội; chiến sỹ vượt sông... |
| Chiến sỹ mưu trí | Chiến sỹ ngụy trang; truyền tin; Tập kích địch trong đêm |
| Tâm tình người lính | Lá thư chiến sỹ;Nhật ký chiến sỹ;  Tâm sự chiến sỹ: “Phút nhìn lại”… |
| Chiến sỹ toàn năng | Dân vũ “*Chúng tôi là chiến sỹ*”; tiếng hát chiến sỹ; Múa sạp; vẽ, ghép tranh… |
| Kỷ luật của chiến sỹ | Hành quân trong đêm; Bánh xe Trường sơn… |

**3. Dành cho lứa tuổi 16-17**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN HỌC PHẦN** | **CHỦ ĐỀ** | **NỘI DUNG** |
| 1 | Học làm chiến sỹ | Tác phong chiến sỹ | Cách mang, mặc; xưng hô, chào hỏi; đi, đứng… |
| Điều lệnh quân đội | Điều lệnh quản lý (Các chế độ sinh hoạt trong ngày, trong tuần; đóng quân, canh phòng; 10 lời thề, 12 điều kỷ luật…)  Điều lệnh đội ngũ (nghiêm, nghỉ; chào…) |
| Sắp đặt nội vụ | Gấp chăn, màn; giặt, phơi, gấp quần, áo; sắp đặt ba lô, quân tư trang; vệ sinh phòng ngủ, nơi công cộng... |
| Võ thuật quân đội | Đạo đức võ học; một số động tác võ thuật căn bản của quân đội; 8 thế tấn, 16 động tác và 35 liên quyền; |
| Thể dục tay không | Các bài thể dục buổi sáng của chiến sỹ (1, 2, 3, 4); Thể thao quốc phòng… |
| 2 | Kỹ năng sống | Hoạt động dã ngoại | Hành quân rèn luyện;  Bữa cơm chiến sỹ : tổ chức ăn, ở dã ngoại; nấu ăn dã ngoại bằng bếp Hoàng Cầm |
| Tập làm đầu bếp | Giúp mẹ nấu cơm; gói bánh trưng; nấu cơm niêu đất; làm bánh trôi, bánh rán… |
| Tập làm bác nông dân | Tăng gia sản xuất: “Vườn rau chiến sỹ” |
| Chiến sỹ quân y | Xử lý khi gặp người bị nạn: đuối nước, hỏa hoạn, tai nạn giao thông… |
| Đối thoại chiến sỹ | Kỹ năng diễn thuyết trước đám đông  Kỹ năng hùng biện |
| Chiến sỹ chỉ huy | Kỹ năng lãnh đạo nhóm |
| Tình yêu chiến sỹ | Giao lưu, đối thoại về tình yêu của giới trẻ: tình yêu đất nước, gia đìng, lồng ghép giáo dục giới tính .. |
| 3 | Phẩm chất chiến sỹ | Chiến sỹ đoàn kết | Chiến sỹ giao liên, Hiệp đồng tác chiến… |
| Chiến sỹ mưu trí | Chiến sỹ thông tin, Chiến sỹ ngụy trang… |
| Tâm tình người lính | Lá thư chiến sỹ; nhật ký chiến sỹ; tâm sự chiến sỹ: “Phút nhìn lại”… |
| Chiến sỹ toàn năng | Dân vũ “*Chúng tôi là chiến sỹ*”; tiếng hát chiến sỹ; Múa sạp; vẽ, ghép tranh… |
| Kỷ luật của chiến sỹ | Chiến sỹ vượt sông, Chiến sỹ |